

# TÀI LIỆU CƠ BẢN VỀ ZAMBIA VÀ QUAN HỆ VỚI VIỆT NAM



## 1. Khái quát

- Tên nước: Cộng hòa Dăm-bi-a (Zambia)
- Thủ đô: Lu-sa-ca (Lusaka)
- Vị trí địa lý: ở miền Nam Châu Phi, phía bắc giáp CHDC Công-gô (Congo) và Tan-da-ni-a (Tanzania), phía Tây giáp Ăng-gô-la (Angola), phía Nam giáp Dim-ba-bu-ê (Zimbabwe) và Na-mi-bi-a (Namibia), Đông giáp Ma-la-uy (Malawi) và Mô-dăm-bích (Mozambique). Zambia không có đường ra biển.
- Diện tích 752.614 km<sup>2</sup>
- Dân số 13,8 triệu người, 73 bộ tộc người Phi và người gốc ch âu Á, châu Âu (2010)
- Tôn giáo Đạo cơ đốc 75%, Cổ truyền 23%, đạo Hồi và Hindu 1%
- Ngôn ngữ Tiếng Anh và 5 thứ tiếng dân tộc
- Đơn vị tiền tệ: đồng Kwacha
- Quốc khánh: 24/10/1964

- Tổng thống Lu -pi-a Ban-đa (Lupiah Banda) (từ 19/08/2008)
- Phó Tổng thống Gioóc -giơ Kun-đa (George Kunda) (từ 14/11/2008)
- Bộ trưởng Ngoại giao Ka -bin-ga Pan-đê (Kabinga Pande) (từ 8/2007)

## **2. Lịch sử**

Từ thế kỷ XV, người Balunda thành lập quốc gia Lunda hùng mạnh bao gồm lãnh thổ Angola, Congo, Zambia và một phần Cộng hoà Dân chủ Congo ngày nay. Cuối thế kỷ XVIII, quốc gia Lunda bị suy yếu do sự thâm nhập các thương gia buôn bán nô lệ, quyền lực của quốc vương Lunda giảm sút nên một loạt các vương quốc nhỏ đã hình thành. Khoảng năm 1835, người Sotho lập một vương quốc riêng. Đến 1889, Cecil Rhodes, nhà triệu phú người Anh được Hoàng gia Anh trao quyền buôn bán và khai thác mỏ vùng lãnh thổ thuộc Zambia, Zimbabwe, Malawi ngày nay. Đầu thế kỷ 20, Cecil Rhodes ký một hiệp ước với quốc vương người Sotho và lập thuộc riêng với tên là Rhodesia Bắc. Năm 1924, Vương quốc Anh kiểm soát vùng Rhodesia Bắc (Zambia), Rhodesia Nam (Zimbabwe) và Nyasaland (Malawi) giao cho toàn quyền Anh cai trị. Năm 1937, tại các khu mỏ có gần 4 vạn lao động người Phi làm việc, công nhân đã thành lập công đoàn và đây là tổ chức tiền thân của Đại hội dân tộc Phi Rhodesia Bắc (NRANC). Năm 1952, nhà giáo Kenneth Kaunda trở thành Tổng thư ký NRANC. Năm 1953, do bất đồng nội bộ, ông K. Kaunda tách ra lập Đại hội dân tộc Phi Zambia (ANCZ) chủ trương đấu tranh giành độc lập. Năm 1959, Đại hội dân tộc Phi (ANCZ) bị cấm hoạt động và ông K. Kaunda bị vào tù. Năm 1960, ông K. Kaunda được trả tự do và đã phối hợp với những người cộng sự thành lập Đảng Độc lập Dân tộc thống nhất (UNIP) do ông làm Chủ tịch. Năm 1963, Chính phủ Anh buộc phải chấp nhận yêu sách của các phong trào độc lập dân tộc, giải tán Liên bang (gồm Rhodesia Bắc, Rhodesia Nam và Nyasaland).

Tháng 10/1964, Đảng Độc lập Dân tộc thống nhất (UNIP) giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử, ông K. Kaunda lên làm Tổng thống, tuyên bố Rhodesia Bắc độc lập, lấy tên là nước Cộng hoà Zambia (24/10/1964).

## **3. Chính trị**

### **a) Đối nội**

Zambia theo chế độ Cộng hoà Tổng thống, Tổng thống cũng đồng thời là người đứng đầu Chính phủ.

Hiện nay ở Zambia có các chính đảng:

- Phong trào Dân chủ đa đảng (MMD) Đảng cầm quyền
- Đảng thống nhất vì sự phát triển quốc gia (UPND) United Party for National Development
- Đảng Phong trào Dân chủ đa đảng (MMD) Movement for Multiparty Democracy
- Đảng độc lập Dân tộc thống nhất (UNIP) Đảng đối lập
- Đảng đa chủng tộc (MRP)
- Liên minh Dân chủ quốc gia (NADA)

#### b) Đối ngoại

Zambia theo chính sách KLK, dân tộc chủ nghĩa, cân bằng quan hệ với các nước lớn, chủ trương hoà bình thương lượng để giải quyết mâu thuẫn, tích cực tham gia tìm giải pháp về vấn đề nợ nước ngoài, hợp tác kinh tế, xung đột khu vực v.v.. đặc biệt Zambia đã làm trung gian để đi đến ký kết Nghị định thư Lusaka (11/1994) giữa Chính phủ Angola và UNITA. Zambia ủng hộ thành lập lực lượng gìn giữ hoà bình ở Châu Phi cũng như xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Chính sách đối ngoại của Zambia là tăng cường hợp tác với các nước, trước hết là các nước Châu Phi trong Cộng đồng phát triển miền Nam Châu Phi (SADC), đẩy mạnh hợp tác với EU, Canada, Mỹ, chú trọng quan hệ với các nước Châu Á trong đó có Trung Quốc, Việt Nam. Zambia là thành viên của AU (trước đây là OUA), LHQ, KLK, Cộng đồng Phát triển miền Nam châu Phi (SADC), Khối thịnh vượng chung, WTO, IMF, G15.

### 4. Kinh tế

Zambia có nhiều tài nguyên thiên nhiên như đồng (trữ lượng 1 tỉ tấn, chiếm 90% thu nhập ngoại tệ xuất khẩu), kẽm, coban, vàng, uranium, chì v.v... Zambia không có đường ra biển nên có khó khăn trong xuất nhập khẩu hàng hóa. Công nghiệp khai khoáng, du lịch, chăn nuôi gia súc, trồng bông, rau quả tương đối phát triển. Tuy nhiên hiện nay Zambia còn phải nhập khẩu máy móc, dầu khí và lương thực, nhất là gạo.

Trước đây, Zambia xây dựng nền kinh tế theo mô hình tập trung, kế

hoạch hoá, chú trọng công nghiệp. Do vậy, nền nông nghiệp bị trì trệ, các ngành chăn nuôi, trồng trọt không phát triển. Sau khi giá đồng nội tệ giảm, thu nhập sút kém, kinh tế lâm vào khó khăn, khủng hoảng. Từ năm 1990, WB và IMF đã thúc ép Zambia cải cách cơ cấu kinh tế, thực hiện nền kinh tế thị trường, tư nhân hoá các nhà máy, xí nghiệp, xoá bỏ các mô hình HTX nông nghiệp trước đây, chú trọng phát triển nông nghiệp, tranh thủ vốn, đầu tư, kỹ thuật của các nước phương Tây, WB, IMF để khôi phục kinh tế. Năm 2005, IMF và WB đã xoá 502 triệu USD trong tổng số gần 7.2 tỉ USD tiền nợ của Zambia. Ngoài ra, từ năm 2000, Zambia được Mỹ đưa vào danh sách các nước được hưởng ưu đãi từ Đạo luật Cơ hội và Tăng trưởng Châu Phi (AGOA). Theo đó, nhiều mặt hàng của Zambia, đặc biệt là hàng dệt may xuất khẩu sang Mỹ được hưởng mức thuế ưu đãi ở mức 0%. Từ năm 2005 đến nay, kinh tế Zambia tăng trưởng ổn định, đạt trung bình 6%/năm. Tuy nhiên tình trạng đói nghèo vẫn là vấn đề lớn đối với kinh tế Zambia. Nhờ giá đồng thế giới tăng kỷ lục thời gian qua và việc bội thu vụ mùa ngô, Zambia đã nhanh chóng hồi phục sau suy thoái kinh tế thế giới 2008.

- GDP: 15,69 tỷ USD (2010)
- GDP bình quân : 1.130 USD (2010)
- Tăng trưởng 7% (2010)
- Nhập khẩu 4,9 tỷ USD (2010)
- Xuất khẩu 6,4 tỷ USD (2010)
- Nợ nước ngoài 3,49 tỷ USD (12/2010)

## **5. Quan hệ với Việt Nam**

Hai nước lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ ngày 15/9/1972.

Đại sứ quán Việt Nam tại Angola kiêm nhiệm Zambia:

Địa chỉ: Via AL4, Lotes No. 4-5, Talatona-Luanda Sul, Luanda.

Mã bưu chính: C.P. 1774

Điện thoại: (+244) 222.010697

Fax: (+244) 222.010696

Email: [vnemb.angola@mofa.gov.vn](mailto:vnemb.angola@mofa.gov.vn)

[sqvnangola@gmail.com](mailto:sqvnangola@gmail.com)

Đại sứ quán Zambia tại Bắc Kinh kiêm nhiệm Việt Nam :

Địa chỉ: 5 Dong Si Jie San Li Tun, Beijing

Mã bưu chính: 100600, Beijing, China

Điện thoại: +(8610) 65321554 / 65321778

Fax: +(8610) 65321891

Email: [diplomat@zambiaembassy.cn](mailto:diplomat@zambiaembassy.cn)

### **Trao đổi đoàn giữa hai nước:**

Tháng 3/1995, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm thăm chính thức Zambia.

Tháng 12/1975, Zambia cử đoàn kinh tế vào thăm Việt Nam. Tháng 4/1998, Bộ trưởng Ngoại giao Zambia Keli S.Walubita thăm chính thức nước ta.

Hai nước có nhiều tiềm năng hợp tác. Zambia có thể xuất sang Việt Nam đồng, sợi bông, gỗ quý, da thú và các loại đá quý, đồng thời có nhu cầu nhập gạo (trực tiếp không qua trung gian), hàng tiêu dùng và may mặc của Việt Nam.

Zambia quan tâm đến mô hình hợp tác nông nghiệp 2+1 mà ta đang triển khai hiệu quả với một số nước châu Phi và mong muốn ta cử chuyên gia sang giúp Zambia trong các lĩnh vực trồng lúa nước , thủy lợi, ngư nghiệp ..., đồng thời cung cấp cho Zambia các máy móc nông nghiệp nhỏ và các giống lúa cao sản .

**Trao đổi thương mại** giữa hai nước không ngừng tăng trong thời gian gần đây. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2010 đạt 33,7 triệu USD, tăng mạnh so với năm 2009 (đạt 16,1 triệu USD) trong đó ta luôn nhập siêu.

**Bảng 1: Kim ngạch XK của Việt Nam sang Zambia năm 2010**

<b>Các mặt hàng xuất khẩu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Trọng lượng</b>	<b>Giá trị (USD)</b>
Gạo	Tấn	200	97.800
Gỗ & sản phẩm gỗ	USD		1.500
Hàng hoá khác			239.927
Máy móc thiết bị, dụng cụ & phụ tùng			2.400
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện			2.526

Sản phẩm dệt may			3.077.568
Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù	USD		5.816
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.427.537</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan VN

**Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Zambia năm 2010**

Tên sản phẩm nhập khẩu	Đơn vị	Trọng lượng	Giá trị (USD)
Bông các loại	Tấn	992	5.021.481
Đồng	Tấn	600	23.444.203
Gỗ & sản phẩm gỗ	3702		4.712
Hàng hoá khác			1.568.050
Nguyên phụ liệu dệt may, da & giày	USD		5.763
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		286.528
Sản phẩm hoá chất	USD		14.866
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.345.603</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan VN

Hoàng Đức Nhuận